

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH SƠN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/7/2020

*“V/v Ly hôn, nuôi con chung
khi ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH SƠN - TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phước Khánh.
2. Ông Bùi Đức Quảng.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Mạnh Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 123/2020/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 06 năm 2020 về việc Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2020/QĐST - HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1988.

HKTT: Xóm N X, xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn M H, xã T Tr, huyện Q B, tỉnh Hà Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Hoa: Ông Bùi Đức Dũng - Trợ giúp viên pháp lý nhà nước tỉnh Phú Thọ, (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Đinh Công Đ, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Xóm N X, xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

(Chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Đ vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/5/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2011 chị Hoàng Thị H kết hôn với anh Đinh Công Đ có sự tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã T Tr, huyện Q B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ anh Đ tại xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc và đã có 01 con chung. Đến năm 2016 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân do anh Đ không chịu tu chí làm ăn, chơi bời cờ bạc dẫn đến kinh tế gia đình gặp nhiều khó khăn, chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ không chịu sửa chữa khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Tháng 10/2016 anh Đ tự bỏ đi làm ăn xa, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở xã T Tr, huyện Q B, tỉnh Hà Giang sinh sống và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị H không biết hiện nay anh Đ ở đâu, làm gì. Qua thông tin từ gia đình anh Đ chị H chỉ biết được anh Đ vẫn liên lạc với mẹ anh và con gái, thỉnh thoảng về thăm gia đình. Do thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên chị H xin được ly hôn anh Đ để giải phóng cho chị và anh Đ.

Về con chung: Chị H và anh Đ có 01 con chung là Đinh Thị Th, sinh ngày 27/4/2012, hiện đang ở cùng anh Đ và bà Phùng Thị L (Bà L là mẹ đẻ anh Đ) từ khi vợ chồng sống ly thân, năm 2016. Ly hôn theo nguyện vọng của anh Đ, cháu Th, chị đồng ý cho anh Đ tiếp tục nuôi cháu Th, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/ 1 tháng .

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị H vợ chồng không có gì chung nên không yêu cầu giải quyết.

**Bị đơn anh Đinh Công Đ đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật thông qua mẹ đẻ anh là bà Phùng Thị L. Bà L đã thông báo cho anh Đ về việc Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý đơn chị H xin ly hôn anh nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt không lý do.*

Tại bản tự khai ngày 01/6/2020, bà Phùng Thị L trình bày: Con trai bà là Đinh Công Đ hiện nay đang sinh sống cùng nhà với bà. Năm 2011, anh Đ kết hôn với chị Hoàng Thị H, và đăng ký kết hôn tại nơi chị H sinh sống: Xã T Tr, huyện Q B, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn, chị H chuyển khẩu về sinh sống cùng gia đình bà tại xã H C, huyện Th S. Thời gian đầu vợ chồng anh Đ sống hòa thuận hạnh phúc và đã có 01 con chung. Do khó khăn về kinh tế, phải đi làm ăn xa, vợ chồng mỗi người một nơi, không tin tưởng

n nhau nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Năm 2016, chị H về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng cũng ly thân luôn từ đó. Anh Đ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng về nhà và thường xuyên liên lạc với bà và con gái qua điện thoại. Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở đâu. Khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã điện thoại thông báo cho anh Đ việc chị H xin ly hôn, anh Đ có nói với bà là anh đồng ý ly hôn và có nguyện vọng được tiếp tục nuôi cháu Th, yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Do bận công việc nên anh không về được, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

**Quan điểm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:* Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, nhận thấy: Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Hoàng Thị H và anh Đinh Công Đ đã rất trầm trọng, thực tế hai bên đã sống ly thân từ năm 2016, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Căn cứ Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án cho chị H được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Từ khi vợ chồng sống ly thân, cháu Th vẫn do anh Đ nuôi dưỡng nên giao con chung cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ là phù hợp Điều 82- Luật hôn nhân và gia đình.

Các quan hệ khác, đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát:*

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về lập hồ sơ và thu thập chứng cứ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật, không có vi phạm gì. Các đương sự: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định Điều 70-71 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70-72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83- Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đinh Công Đ. Về con chung: Giao cháu Đinh Thu Th, sinh ngày 27/4/2012 cho anh Đ được tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu thành niên thành niên. Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi thành niên. Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn- chị Hoàng Thị H, đăng ký HKTT tại khu N X, xã H C, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ; Cư trú tại: Thôn M H, xã T Tr, huyện Qu B, tỉnh Hà Giang . Bị đơn - anh Đinh Công Đ, đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại khu N X, xã H C, huyện Th S. Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Xét về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 01/7/2020, chị Hoàng Thị H nộp đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại Tòa án. Anh Đinh Văn Đ được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1+3 Điều 228; Điều 238- Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan điểm đề nghị của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn và phát biểu về giải quyết nội dung vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ theo qui định tại khoản 1 Điều 56- Luật hôn nhân và gia đình bởi lẽ: Quan hệ hôn nhân của chị Hoàng Thị H và anh Đinh Công Đ là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống cả hai bên không cảm thông và chia sẻ cho nhau những khó khăn trong cuộc sống vợ chồng dẫn đến khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh cả hai vợ chồng đều không biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn nên cuộc sống chung ngày càng căng thẳng, tạo nhiều áp lực cho nhau. Chính vì vậy, tháng 10/2016, chị H đã về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở xã T Tr, huyện Q B, tỉnh Hà Giang và vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án và lời trình bày của bà Lăm-mẹ đẻ anh Đ (BL18-34) đã chứng minh, anh Đ và chị H không thực hiện quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau một thời gian dài, thực tế cuộc hôn nhân không còn tồn tại. Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ qui định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H.

[3] Về con chung: Xét nguyện vọng xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đinh Thu Th, sinh ngày 27/4/2012 của anh Đ là chính đáng bởi lẽ: Kể từ khi vợ chồng chị H sống ly thân, tháng 10/2016, cháu Th vẫn do anh Đ nuôi dưỡng, nguyện vọng của cháu Th muốn được ở với anh Đ. Phía chị H cũng đồng ý giao con chung cho anh Đ chăm sóc

nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm nuôi cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ số tiền 1.000.000đ/tháng là có căn cứ qui định tại Điều 81, 82- Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Theo chị H, vợ chồng không có, ly hôn chị không có đề nghị gì. Anh Đ không đến Tòa án làm việc nên không có quan điểm gì về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị H phải nộp tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 1+2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, khoản 1+3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị H. Cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Đình Công Đ.

2. *Về con chung*: Giao cháu Đình Thu Th, sinh ngày 27/4/2012 cho anh Đình Công Đ tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ tháng 7/2020, cho đến khi cháu Th thành niên, tự lực được. Chị Hoàng Thị H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đ mỗi tháng 1.000.000đ (Một triệu đồng), kể từ tháng 7/2020 cho đến khi cháu Th thành niên tự lực được.

Chị H và anh Đ đều có quyền và nghĩa vụ với con chung, không ai được cản trở.

3. *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận chị H đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0002131 ngày 01/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện;
- Chi cục THADS huyện.
- UBND xã Võ Miếu; xã Tân Trính, huyện Quang Bình, tỉnh Hà Giang.
- Lưu HS + VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Nguyễn Thị Bích Thủy